

Số: 1232/PA-SGDĐT

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 5 năm 2020

PHƯƠNG ÁN
Tuyển dụng viên chức làm giáo viên
trung học phổ thông công lập tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT công lập;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/04/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án: “Bố trí, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành Giáo dục tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 5361/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, năm 2019 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao chỉ tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2019-2020 và tình hình thực tế đội ngũ giáo viên THPT công lập trong tỉnh hiện có;

Căn cứ Công văn số 5051/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm giáo viên các trường THPT công lập tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 802/SNV-CCVC ngày 29/4/2020 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức làm giáo viên các trường THPT công lập tỉnh Thanh Hóa;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Phương án tuyển dụng viên chức làm giáo viên THPT các trường THPT, trường THCS&THPT công lập tỉnh Thanh Hóa năm 2020 gồm các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm giáo viên Trung học phổ thông; đảm bảo tuyển dụng được viên chức có trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Việc tuyển dụng viên chức phải được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Vị trí, chỉ tiêu tuyển dụng

Số lượng cần tuyển dụng: 305 chỉ tiêu, gồm: Ngữ văn 48, Lịch sử 10, Địa lý 6, Giáo dục công dân 7, Tiếng Anh 39, Toán 51, Tin học 26, Vật lý 30, Kỹ thuật Công nghiệp 11, Kỹ thuật Nông nghiệp 13, Sinh học 17, Hóa học 34, Thể dục 13.

(Chỉ tiêu tuyển dụng từng môn ở mỗi đơn vị theo Phụ lục 01 gửi kèm)

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

2.1. Điều kiện đăng ký dự tuyển:

Người có đủ các điều kiện sau đây, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức làm giáo viên THPT các trường THPT, THCS&THPT công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:

- Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa từ đủ 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- Có phiếu đăng ký dự tuyển.

- Có lý lịch rõ ràng.
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.2. Về tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển:

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ các điều kiện quy định trên, đồng thời phải đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập hạng III (Mã số V.07.05.15) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập. Trong đó:

- Về trình độ đào tạo: Tốt nghiệp ĐHSP hệ chính quy có chuyên ngành đào tạo phù hợp với bộ môn cần tuyển. Riêng đối với đối tượng được ưu tiên xét tuyển trước theo quy định tại điểm 9.2.1, khoản 9, mục II của Phương án này (trừ đối tượng cử tuyển), yêu cầu tốt nghiệp ĐHSP hoặc tốt nghiệp đại học có chuyên ngành đào tạo phù hợp với bộ môn cần tuyển, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên THPT.

- Về trình độ ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (hoặc tương đương trở lên) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ, trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Về trình độ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học thực hiện theo Công văn số 2847/SGDDĐT-GDTEX ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thực hiện quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (*Gửi kèm Phương án này*).

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

4. Hồ sơ, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ, lệ phí dự tuyển

4.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Người đăng ký dự tuyển tự chuẩn bị và nộp 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ dự tuyển gồm các loại giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự sau:

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - Phụ lục 02 gửi kèm).

(2) Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

(3) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bảng điểm kết quả học tập ở bậc Đại học theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang Tiếng Việt.

(4) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.

(5) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

(6) Bản sao Giấy khai sinh, Sổ đăng ký hộ khẩu, Giấy đăng ký kết hôn (áp dụng là người ngoài tỉnh kết hôn với người Thanh Hóa).

(7) Bản sao Phiếu đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ 03 năm gần nhất và các HĐLĐ làm giáo viên tại các trường THPT công lập (hoặc giáo viên dạy khối THPT trong các trường THCS&THPT công lập) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (nếu có).

(8) Bản sao Sổ BHXH hoặc Giấy xác nhận thời gian tham gia BHXH bắt buộc của cơ quan BHXH (nếu có).

(9) Bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu, Quyết định hoặc Công văn cử đi học của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (đối với đối tượng học cử tuyển).

(10) 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ người nhận.

(11) 02 ảnh cỡ 4x6, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh phía sau ảnh.

(12) Bản cam kết nếu trúng tuyển vào trường thuộc huyện miền núi phải công tác tối thiểu 5 năm đối với nữ và 7 năm đối với nam mới được xem xét chuyển về công tác tại các huyện miền xuôi (nếu cá nhân có nguyện vọng).

Lưu ý:

- Bộ hồ sơ dự tuyển bỏ trong bì đựng hồ sơ bìa cứng, bì túi hồ sơ ghi rõ các thông tin: họ và tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số điện thoại liên hệ; tích kê các loại hồ sơ có trong túi hồ sơ.

- Mỗi người chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại 01 đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu tuyển dụng. Nếu đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm

trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách tham gia dự xét tuyển, đồng thời sẽ không được hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí xét tuyển đã nộp.

- Người đăng ký dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển và các loại giấy tờ liên quan đến hồ sơ đăng ký dự tuyển. Trong trường hợp trúng tuyển, sau khi đối chiếu hồ sơ đăng ký dự tuyển với bản chính (bản gốc), nếu phát hiện các thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển không đúng hoặc giả mạo văn bằng, chứng chỉ thì thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật, đồng thời bị hủy kết quả trúng tuyển.

- Bản cam kết về thời gian giảng dạy ở trường thuộc huyện miền núi chỉ dùng cho người đăng ký dự tuyển vào các trường thuộc huyện miền núi.

- Người đăng ký dự tuyển không được sửa đổi, bổ sung các giấy tờ trong hồ sơ đã nộp khi hết thời hạn nộp hồ sơ.

- Hồ sơ dự tuyển không trả lại sau khi xét tuyển.

4.2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian nhận hồ sơ là 30 ngày (từ ngày 12/5/2020 đến ngày 10/6/2020).

Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (số 02 Hà Văn Mao, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa).

5. Lệ phí tuyển dụng

- Mức thu lệ phí đăng ký dự tuyển là 400.000 đồng/01 thí sinh (thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

- Lệ phí đăng ký dự tuyển được thu cùng với thu Hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Trường hợp thí sinh đã đăng ký nộp hồ sơ dự xét tuyển, đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển vòng 2 nhưng không tham dự sẽ không được hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí dự tuyển.

- Trường hợp thí sinh đã nộp hồ sơ dự xét tuyển nhưng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển sẽ được hoàn trả hồ sơ và lệ phí dự tuyển tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

6. Thời gian xét tuyển

Dự kiến tháng 6 năm 2020 (sẽ có thông báo cụ thể sau khi hoàn tất tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển).

7. Hình thức và nội dung tuyển dụng

7.1. Hình thức tuyển dụng:

Thực hiện **xét tuyển** theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh

về việc Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh.

7.2. Nội dung xét tuyển:

- **Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm. Nếu đảm bảo yêu cầu thì thí sinh dự tuyển được tham dự vòng 2.

- **Vòng 2:** Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn: 30 phút.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

Nội dung phỏng vấn gồm:

+ Kiến thức chung về pháp luật: Luật Viên chức năm 2010; Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục năm 2009; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập.

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ.

8. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng

Thực hiện đúng theo quy định tại Điểm 3, Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. Cụ thể:

8.1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2;

8.2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2;

8.3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2.

9. Xác định người trúng tuyển

9.1. Nguyên tắc chung:

Điểm xét tuyển xác định như sau:

Điểm xét tuyển = Điểm phỏng vấn + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

- Kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 phải đạt từ 50 điểm trở lên thì mới được đưa vào **Danh sách để xét trúng tuyển**.

- Người có nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất.

- Xét trúng tuyển theo đơn vị trường cho từng môn mà người dự tuyển đăng ký.

Trong cùng kỳ tuyển dụng, thí sinh được đưa vào **Danh sách để xét trúng tuyển** nhưng không trúng tuyển tại đơn vị đăng ký thì được sử dụng kết quả điểm xét tuyển để tiếp tục xét tuyển tại các đơn vị còn chỉ tiêu của môn cần tuyển (nếu có nguyện vọng).

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

9.2. Ưu tiên trong xét trúng tuyển:

9.2.1. Thực hiện xét trúng tuyển trước:

- Người có thời gian LĐHĐ làm giáo viên dạy bậc THPT tại các trường THPT, trường THCS&THPT công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trước ngày 27/7/2015 và có đóng BHXH bắt buộc ít nhất 36 tháng (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp BHXH một lần thì được cộng dồn). Trong 03 năm liên tục gần nhất hợp đồng làm giáo viên, được Thủ trưởng các đơn vị đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (*ưu tiên xét tuyển trước đối với người đăng ký dự tuyển tại đơn vị đang hợp đồng giảng dạy nếu đơn vị đó có chỉ tiêu tuyển dụng*).

- Người thuộc đối tượng cử tuyển, đăng ký xét tuyển tại các trường THPT, THCS&THPT công lập trên địa bàn huyện mà đối tượng cử tuyển có hộ khẩu thường trú trước khi được cử đi học theo chế độ cử tuyển (theo Quyết định hoặc Công văn cử đi học của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).

9.2.2. Sau khi thực hiện xét trúng tuyển trước cho các đối tượng nêu trên, nếu còn chỉ tiêu, thực hiện xét tuyển đến các trường hợp còn lại theo kết quả điểm xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng môn.

10. Tổ chức xét tuyển

10.1. Thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển:

Thông báo tuyển dụng ít nhất 1 lần trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Thanh Hóa hoặc Đài Truyền hình Thanh Hóa; trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, niêm yết công khai tại cơ quan Sở, các đơn vị trực thuộc Sở.

Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển, tổng hợp danh sách đăng ký dự tuyển.

10.2. Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban giám sát và các Ban giúp việc:

- Hội đồng tuyển dụng và Ban giám sát do Giám đốc Sở quyết định thành lập.
- Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng, gồm: Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển và Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn.

- Những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của thí sinh dự tuyển hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật không được tham gia Hội đồng xét tuyển và các Ban giúp việc cho Hội đồng.

10.3. Xây dựng và thông báo danh mục tài liệu ôn tập: Tối thiểu trước 10 ngày tổ chức phỏng vấn.

10.4. Các bước xét tuyển:

Vòng 1:

- Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển báo cáo kết quả với Hội đồng tuyển dụng những người được tham dự vòng 2.

- Hội đồng tuyển dụng niêm yết công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển vòng 2.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc xét vòng 1, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2, thông báo thời gian, địa điểm tổ chức phỏng vấn trên trang thông tin điện tử của Sở và niêm yết tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo.

Vòng 2:

Phỏng vấn chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2.

- Trước ngày tổ chức phỏng vấn 01 ngày, Hội đồng tuyển dụng niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng tổ chức phỏng vấn, nội quy tại địa điểm tổ chức phỏng vấn.

- Tổ chức phỏng vấn về hiểu biết chung, về chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

- Tổng hợp kết quả và niêm yết công khai điểm xét tuyển:

+ Chậm nhất sau 02 ngày, kể từ ngày kết thúc phỏng vấn, Hội đồng tuyển dụng tổng hợp kết quả điểm xét tuyển.

+ Niêm yết công khai điểm xét tuyển của thí sinh tại cơ quan Sở và trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Xét trúng tuyển, thông báo kết quả xét tuyển và dự kiến người trúng tuyển:

+ Trong 10 ngày kể từ ngày niêm yết công khai điểm xét tuyển, Hội đồng tuyển dụng xét trúng tuyển cho thí sinh theo quy định.

+ Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tổng hợp chung kết quả và báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét tuyển (chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc kỳ xét tuyển).

+ Báo cáo Giám đốc Sở công nhận kết quả xét tuyển (chậm nhất 10 ngày sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển).

+ Niêm yết danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển và đơn vị được trúng tuyển tại cơ quan Sở và trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo; tiếp nhận xử lý ý kiến, kiến nghị của người dự tuyển (trong vòng 05 ngày, kể từ ngày công khai kết quả tuyển dụng).

- Tổng hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả trúng tuyển về Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt: Sau khi thông báo kết quả dự kiến trúng tuyển 10 ngày.

11. Quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với người trúng tuyển

Sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định tuyển dụng; thông báo cho người trúng tuyển về thời gian, địa điểm để ký hợp đồng làm việc.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có thông báo trúng tuyển, người được tuyển dụng phải đến Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có) để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng và thực hiện ký hợp đồng làm việc tại đơn vị trúng tuyển. Trong trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không thể đến làm thủ tục và ký hợp đồng làm việc đúng thời hạn thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét giải quyết.

12. Hủy kết quả tuyển dụng

- Người dự tuyển bị hủy kết quả tuyển dụng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ ưu tiên không đúng quy định.

- + Người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- + Có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Trường hợp người dự tuyển bị hủy kết quả trúng tuyển thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận kết quả trúng tuyển đối với người có điểm xét tuyển thấp hơn liền kề ở cùng vị trí và đủ điều kiện theo quy định và báo cáo Sở Nội vụ.

13. Lưu trữ tài liệu

- Tài liệu về kỳ xét tuyển bao gồm: các văn bản về tổ chức tuyển dụng của Giám đốc Sở, văn bản của Hội đồng tuyển dụng, danh sách đăng ký dự tuyển, danh sách xét tuyển, quyết định công nhận kết quả xét tuyển và các tài liệu khác của kỳ xét tuyển.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ xét tuyển, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tuyển dụng chịu trách nhiệm bàn giao về lưu trữ cơ quan theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tuyển dụng

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện xét tuyển theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước, các quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh; Công văn số 5051/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm giáo viên các trường THPT công lập tỉnh.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc Sở các bước quy trình thực hiện việc tuyển dụng: Thông báo tuyển dụng; thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức, Ban Giám sát; tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Tham mưu Giám đốc Sở báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh và Sở Nội vụ theo quy định.

- Tham mưu cho Giám đốc Sở ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức sau khi có Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả tuyển dụng.

- Chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ của người trúng tuyển sau khi thông báo kết quả tuyển dụng.

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Tham mưu về kinh phí, lập dự toán, quyết toán đảm bảo cho việc tuyển dụng thực hiện đúng quy định.

4. Văn phòng

Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chuẩn bị điều kiện làm việc của Hội đồng theo quy định. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở các thông báo liên quan đến tuyển dụng.

5. Các trường THPT, THCS&THPT

- Niêm yết các thông tin liên quan đến việc tuyển viên chức tại đơn vị và Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có);

- Hiệu trưởng các nhà trường ký hợp đồng làm việc đối với thí sinh đã được tuyển dụng vào viên chức theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

Trên đây là Phương án tuyển dụng viên chức làm giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thanh Hóa năm 2020./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng chuyên môn cơ quan Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCCB.



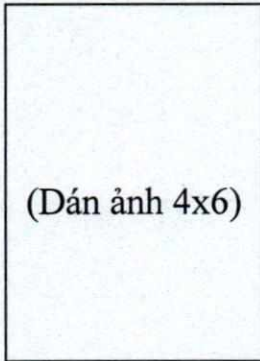
Phạm Thị Hằng

| TT | Tên đơn vị tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng | Số lượng cần tuyển cho từng môn | | | | | | | | | | | | |
|----|-----------------------|---------------------|---------------------------------|----|-----|------|-------|------|-----|----|------|------|------|-----|----|
| | | | Văn | Sử | Địa | GDCD | T.Anh | Toán | Tin | Lý | KTCN | KTNN | Sinh | Hóa | TD |
| 19 | THPT Thạch Thành 2 | 3 | 1 | | | | | 1 | | | | | | 1 | |
| 20 | THPT Thạch Thành 3 | 3 | | | | | | 2 | 1 | | | | | | |
| 21 | THPT Thạch Thành 4 | 7 | 1 | | 1 | 1 | | 1 | 2 | | 1 | | | | |
| 22 | THPT Cẩm Thủy 1 | 7 | 1 | | | | | 1 | 1 | | 2 | | 1 | | 1 |
| 23 | THPT Cẩm Thủy 2 | 3 | | | | | | 2 | | 1 | | | | | |
| 24 | THPT Cẩm Thủy 3 | 3 | 1 | | | | | | | 1 | 1 | | | | |
| 25 | THPT Hà Trung | 1 | | | | | | | | | | | | 1 | |
| 26 | THPT Hoàng Lệ Kha | 1 | | | | | | | | 1 | | | | | |
| 27 | THPT Yên Định 1 | 1 | | | | | | | | | 1 | | | | |
| 28 | THPT Yên Định 3 | 3 | 2 | | | | | | | | | | | | 1 |
| 29 | THCS&THPT Thống Nhất | 2 | | | | | | 1 | | | | | | 1 | |
| 30 | THCS&THPT Nghi Sơn | 7 | 1 | | | | | 1 | 1 | | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| 31 | THPT Lê Lợi | 1 | | | | | | | | | | | 1 | | |
| 32 | THPT Lê Hoàn | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | |
| 33 | THPT Lam Kinh | 3 | | | | | | | | 1 | | 1 | 1 | | |
| 34 | THPT Thọ Xuân 4 | 2 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | |
| 35 | THPT Thọ Xuân 5 | 5 | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | 1 | 1 | |
| 36 | THPT Nguyễn Quán Nho | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 37 | THPT Triệu Sơn 2 | 1 | | | | | | | | | | 1 | | | |
| 38 | PT Nguyễn Mộng Tuân | 2 | | | | | | | 1 | | | | 1 | | |
| 39 | THPT Đông Sơn 2 | 1 | | | | | | | | | | | 1 | | |
| 40 | THPT Nông Cống 1 | 2 | | | | | | | | | | 1 | 1 | | |
| 41 | THPT Nông Cống 2 | 2 | | | 1 | | | | 1 | | | | | | |
| 42 | THPT Nông Cống 3 | 7 | 1 | 1 | 1 | | | | | 1 | 2 | | | 1 | |

| TT | Tên đơn vị tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng | Số lượng cần tuyển cho từng môn | | | | | | | | | | | | |
|-------------|-----------------------|---------------------|---------------------------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | | Văn | Sử | Địa | GDCD | T.Anh | Toán | Tin | Lý | KTCN | KTNN | Sinh | Hóa | TD |
| 43 | THPT Nông Công 4 | 2 | | | | | | | | | | | | 2 | |
| 44 | THPT Quảng Xương 2 | 4 | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | | |
| 45 | THPT Chu Văn An | 3 | | | | | | | | | | 2 | | 1 | |
| 46 | THPT Quảng Xương 4 | 10 | 1 | 1 | | | | 2 | 1 | 2 | | | 1 | 1 | 1 |
| 47 | THPT Đặng Thai Mai | 3 | | | | | | | 1 | 1 | | | | | 1 |
| 48 | THPT Tĩnh Gia 1 | 5 | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | 2 | | |
| 49 | THPT Tĩnh Gia 2 | 4 | 1 | | | | | | 1 | | | | | 1 | 1 |
| 50 | THPT Tĩnh Gia 3 | 6 | | 1 | | | | | 1 | 2 | | | | 1 | 1 |
| 51 | THPT Tĩnh Gia 4 | 1 | | | | | | | 1 | | | | | | |
| 52 | THPT Ba Đình | 1 | | | | | | | | | | 1 | | | |
| 53 | THPT Mai Anh Tuấn | 1 | | | | | | | 1 | | | | | | |
| 54 | THPT Hậu Lộc 1 | 2 | 1 | | | | | | 1 | | | | | | |
| 55 | THPT Hậu Lộc 3 | 1 | | | | | | | 1 | | | | | | |
| 56 | THPT Sầm Sơn | 2 | | | | | | | | | | | 1 | | 1 |
| 57 | THPT Nguyễn Thị Lợi | 5 | 2 | | | | | 2 | | | | | | | 1 |
| 58 | THPT Thường Xuân 3 | 7 | 1 | | | | | 1 | 1 | 1 | 1 | | | 1 | |
| 59 | THCS&THPT Quan Hoá | 7 | 2 | | | | | 2 | 1 | 1 | | | | | 1 |
| 60 | THCS&THPT Như Thanh | 6 | | 1 | | | | 1 | 1 | 1 | | 1 | 1 | | |
| 61 | THCS&THPT Như Xuân | 10 | 2 | | | | | 2 | 2 | 1 | 1 | | | 1 | 1 |
| Tổng | | 305 | 48 | 10 | 6 | 7 | 39 | 51 | 26 | 30 | 11 | 13 | 17 | 34 | 13 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾: Giáo viên môn.....

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾: Trường

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam Nữ
(3)

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:.....

Email:.....

Quê quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa:.....

Trình độ chuyên môn (ĐHSP; Cử nhân + NVSP):..... Loại hình đào tạo:.....

Trình độ Tin học:

Trình độ Ngoại ngữ:

HĐLĐ lần đầu làm GV THPT (Ghi rõ ngày/tháng/năm và số hiệu HĐLĐ):

Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc (Ghi theo Sổ BHXH): năm tháng

Diện ưu tiên (nếu có):

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

| Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ | Tên trường, cơ sở đào tạo cấp | Trình độ văn bằng, chứng chỉ | Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ | Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm) | Ngành đào tạo | Hình thức đào tạo | Xếp loại bằng, chứng chỉ |
|--|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---|---------------|-------------------|--------------------------|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng môn học đăng ký vị trí dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên trường có chi tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

Số: 2847/SGDDĐT-GDTEX
V/v hướng dẫn thực hiện quy đổi
chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 11 năm 2018

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và các Văn bản quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 3762/BGDĐT-GDDH ngày 05/6/2013, 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27/10/2014, 3755/BGDĐT-GDTEX ngày 03/8/2016;

Căn cứ Công văn số 5457/UBND-VX ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDTEX ngày 03/8/2016 về quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các quy định hiện hành của pháp luật;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chi tiết thực hiện việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học cụ thể như sau:

I. Về thời hạn áp dụng của chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

1. Đối với Chứng chỉ ngoại ngữ

Công nhận thời hạn của các chứng chỉ tiếng Anh có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được cấp trong các trường hợp sau:

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là QĐ số 177) đã được cấp trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là QĐ số 66) đã được cấp trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành theo Quyết định số 177 và Quyết định số 66 của các khoá đào tạo, cấp chứng chỉ được triển khai trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực).

2. Đối với chứng chỉ Tin học

Công nhận thời hạn của các chứng chỉ Tin học có giá trị tương đương với chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đã được cấp trong các trường hợp sau:

- Các chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 đã được cấp trước ngày 10/8/2016 (từ ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ Tin học ứng dụng theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của các khoá đào tạo, cấp chứng chỉ được triển khai trước ngày 10/8/2016 (từ ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực).

II. Về việc áp dụng mức độ quy đổi tương đương

1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ

1.1. Đối với các chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, B, C theo QĐ số 177 và chứng chỉ tiếng Anh trình độ từ bậc A1 đến bậc C2 theo QĐ số 66 quy đổi giá trị tương đương trình độ tiếng Anh khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là khung 6 bậc), như sau:

| Trình độ theo khung 6 bậc | Trình độ theo QĐ số 66 | Trình độ theo QĐ số 177 |
|---------------------------|------------------------|-------------------------|
| Bậc 1 | Trình độ A1 | Trình độ A |
| Bậc 2 | Trình độ A2 | Trình độ B |
| Bậc 3 | Trình độ B1 | Trình độ C |
| Bậc 4 | Trình độ B2 | |
| Bậc 5 | Trình độ C1 | |
| Bậc 6 | Trình độ C2 | |

1.2. Đối với chứng chỉ tiếng Anh do các tổ chức khảo thí nước ngoài tổ chức thi và cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ tiếng Anh khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảng quy đổi thực hiện như sau:

| Khung 6 bậc của Việt Nam | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | IELTS | TOEIC | TOEFL Paper/ Computer/ Internet | TOEFL IBT | TOEFL ITP | Cambridge Tests |
|--------------------------|---------------------------------|-------|-------|---------------------------------|-----------|-----------|-----------------|
| | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|-------------|----|--------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------------|
| Bậc 1 | A1 | <3.0 | <400 | | <31 | <337 | 45-69 KET |
| Bậc 2 | A2 | 3.0-3.5 | 400 | 400/97 | 31 | 337 | 45-64 PET 70-89 KET |
| Bậc 3 | B1 | 4.0 4.5 | 450 | 450/133/45 477/153/53 | 35 | 450 | 65-79 PET 45-59 FCE 90-100 KET |
| Bậc 4 | B2 | 5.0 6.0 | 600 | 500/173/61 527/197/71 | 60 | 500 | 60-79 FCE 80-100 PET |
| Bậc 5 | C1 | 6.5 7.0 | 850 | 550/213/80 577/233/91 | 90 | 550 | 60-79 CAE 80-100 FCE |
| Bậc 6 | C2 | 7.5+ | 945+ | 600/250/100 | 111+ | 630+ | 45-59 CPE 80-100 CAE |
| Pass | | Top Score 9 | Top Score 990 | Pass | Top Score 120 | Top Score 677 | Pass |

1.3. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật thực hiện theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu quy định kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

| Khung 6 bậc của Việt Nam | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật |
|--------------------------|---------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|--------------|------------|
| Bậc 3 | B1 | TRKI 1 | DELFB1 TCF niveau 3 | B1 ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |
| Bậc 4 | B2 | TRKI 2 | DELFB2 TCF niveau 4 | B2 TestDaF level 4 | HSK cấp độ 4 | JLPT N3 |

2. Đối với chứng chỉ tin học

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Hướng dẫn này được thay thế hướng dẫn trong Công văn số 1279/SGDDĐT-GDĐT ngày 04/6/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để t/h);
- UBND tỉnh (để b/c)
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Lưu: VT, GDĐT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Hoàng Văn Thi